

Số: 229...../QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ khóa 30 (Đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 815/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2019-2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-ĐHDL ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022 - Đợt 1 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2022 - Đợt 1 ngày 29/9/2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 79 thí sinh có tên trong danh sách kèm theo trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ khóa 30 (Đợt 1) hệ chính quy tập trung của Trường Đại học Đà Lạt cụ thể như sau:

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	SỐ LƯỢNG TRÚNG TUYỂN
1	8460102	Toán giải tích	5
2	8440118	Hóa phân tích	14
3	8420114	Sinh học thực nghiệm	11
4	8220121	Văn học Việt Nam	9
5	8340101	Quản trị kinh doanh	12
6	8220201	Ngôn ngữ Anh	28

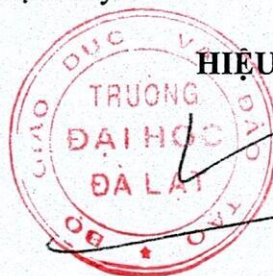
Điều 2. Các thí sinh có tên trong danh sách có nghĩa vụ và quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa chuyên môn, Ban đào tạo sau đại học, Trường các đơn vị liên quan và các học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

Bull



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2022 (Đợt 1)
NGÀNH: TOÁN GIẢI TÍCH (MÃ NGÀNH: 8460102)
(Kèm theo Quyết định số 889/QĐ-DHDL ngày 04 tháng 10 năm 2022)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM			ĐỊNH HƯỚNG	MSHV
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỐ TỨC		XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
1	Trịnh Thị Hà	16/11/1983	Thanh Hóa	Nữ	Trường THPT DL Lê Thánh Tôn	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Toán - Tin học	2010	Trung bình	x	KVI	6.33	68.00	10.00	Ứng dụng	2201001
2	Lê Thị Lan Hương	05/09/1990	Khánh Hòa	Nữ	Trường THPT DL Lê Thánh Tôn	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Toán học	2017	Khá		KVI	7.98	66.00	10.00	Ứng dụng	2201002
3	Lê Đình Phú	23/05/1987	Lâm Đồng	Nam	Tự do	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2022	Giỏi			8.08	MT	-	Ứng dụng	2201003
4	Phạm Ngọc Trâm	09/07/1998	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Trường Đại học Tây Nguyên	Chính quy	Sư phạm Toán học	2020	Khá			7.91	MT	-	Ứng dụng	2201004
5	Hoàng Văn Vui	08/10/1983	Thanh Hóa	Nam	Trường PT Dân tộc Nội trú Pinăngtác	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2007	TB Khá			6.50	MT	-	Ứng dụng	2201005

Ghi chú: MT: Miễn thi ; KVI: Khu vực 1



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2022 (Đợt 1)
NGÀNH: HÓA PHÂN TÍCH (MÃ NGÀNH: 8440118)
(Kèm theo Quyết định số: 889 /QĐ-ĐHDL ngày 04 tháng 1 năm 2022)

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM			ĐỊNH HƯỚNG	MSHV
							TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC		XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
1	Nguyễn Lê Huệ	Anh	28/08/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Giỏi			8.12	MT	-	Nghiên cứu	2201006
2	Đông Hương	Giang	28/09/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Khá			7.75	MT	-	Nghiên cứu	2201007
3	Nguyễn Thị Khánh	Hằng	14/06/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Khá			7.18	MT	-	Nghiên cứu	2201008
4	Nguyễn Phi	Hồ	23/11/2000	Bình Thuận	Nam	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Xuất sắc			8.87	MT	-	Nghiên cứu	2201009
5	Trần Thị Thiên	Hương	10/10/1998	Lâm Đồng	Nữ	Trường THCS & THPT Đa Sar	ĐH Đồng Tháp	Liên thông VLVH	Sư phạm Hóa học	2021	Khá			7.36	54.30	-	Nghiên cứu	2201010
6	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	05/07/2000	Bình Định	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Khá			7.59	MT	-	Nghiên cứu	2201011
7	Nguyễn Bùi Diễm	My	04/11/1998	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2020	Khá			7.57	70.00	-	Ứng dụng	2201012
8	Võ Thị Hoàng	Mỹ	03/08/1996	Lâm Đồng	Nữ	Viện Nghiên cứu hạt nhân	ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM	Chính quy	Công nghệ kỹ thuật môi trường	2018	Khá	x		7.12	MT	-	Nghiên cứu	2201013
9	Từ Mỹ	Ngân	01/01/2001	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Khá			7.29	MT	-	Nghiên cứu	2201014
10	Nguyễn Phan Hồng	Ngọc	07/02/2000	Đồng Nai	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Khá			7.65	MT	-	Nghiên cứu	2201015
11	Võ Thị Tuyết	Nhi	20/09/2000	Bình Phước	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2022	Khá			7.50	MT	-	Nghiên cứu	2201016
12	Đặng Thị Loan	Phượng	21/04/1978	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Huế	Từ xa	Sư phạm Hóa học	2007	Khá			7.21	54.00	-	Ứng dụng	2201017
13	Đặng Hồ Hồng	Quang	16/03/1982	Lâm Đồng	Nam	Viện Nghiên cứu hạt nhân	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Hóa học	2006	Trung bình		KV1	6.01	60.80	10.00	Ứng dụng	2201018
14	Văn Thị Như	Ý	01/01/2000	Ninh Thuận	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Hóa học	2022	Giỏi			8.40	MT	-	Nghiên cứu	2201019

Ghi chú: MT: Miên thi ; KV1: Khu vực 1

HIỆU TRƯỞNG 

 Lê Minh Chiến

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2022 (Đợt 1)
NGÀNH: SINH HỌC THỰC NGHIỆM (MÃ NGÀNH: 8420114)
(Kèm theo Quyết định số 889/QĐ-ĐHDL ngày 04 tháng 01 năm 2022)

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM			ĐỊNH HƯỚNG	MSHV
							TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỐ TỨC		XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
1	Nguyễn Lan	Anh	10/12/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2022	Khá			7.44	MT	-	Nghiên cứu	2201020
2	Phan Mộng Thùy	Dương	21/06/1988	Đồng Nai	Nữ	Công ty đô thị Đà Lạt	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Nông học	2010	Trung bình khá			6.53	60.30	-	Ứng dụng	2201021
3	Lê Thị Thúy	Hòa	19/04/1995	Thanh Hóa	Nữ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung bộ và Tây Nguyên	Đại học Quốc gia Hà Nội	Chính quy	Công nghệ sinh học	2018	Khá			7.36	64.80	-	Nghiên cứu	2201022
4	Trần Thị	Hệ	20/12/1987	Hải Dương	Nữ	TT NC Nông lâm nghiệp Lâm Đồng	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2011	Khá			7.47	76.00	-	Nghiên cứu	2201023
5	Phạm Hồ Thuật	Khoa	03/12/2000	Thành phố HCM	Nam	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2022	Xuất sắc			9.12	MT	-	Nghiên cứu	2201024
6	Hoàng Công	Minh	24/04/1999	Lâm Đồng	Nam	Tự do	Đại học Công nghệ Tp. HCM	Chính quy	Công nghệ sinh học	2021	Xuất sắc			9.07	91.00	-	Ứng dụng	2201025
7	Lê Hồng	Quang	27/09/2000	Lâm Đồng	Nam	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2022	Khá			7.19	MT	-	Nghiên cứu	2201026
8	Lê Thị Thu	Thúy	09/11/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2022	Khá			8.51	MT	-	Nghiên cứu	2201027
9	Nguyễn Khánh	Uyên	21/02/1994	Lâm Đồng	Nữ	Trường THCS Nguyễn Du	Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2021	Khá	x		7.51	56.30	-	Ứng dụng	2201028
10	Phạm Thị Thanh	Vân	05/08/2000	Vĩnh Long	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2022	Giỏi			8.15	MT	-	Nghiên cứu	2201029
11	Tạ Đình	Vương	09/04/1998	Lâm Đồng	Nam	Tự do	Đại học Yersin Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2019	Khá			7.58	MT	-	Nghiên cứu	2201030

Ghi chú: MT: Miễn thi; KVI: Khu vực 1



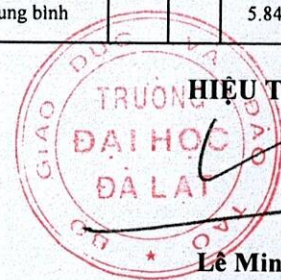
HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*

Lê Minh Chiến

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2022 (Đợt 1)
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (MÃ NGÀNH: 8340101)
(Kèm theo Quyết định số: 889 /QĐ-ĐHDL ngày 04 tháng 1 năm 2022)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM			ĐỊNH HƯỚNG	MSHV
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỐ TỨC		XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
1	Thái Doãn Anh	08/08/1990	Nghệ An	Nam	Công ty cổ phần TM và Dịch vụ Oto Đà Lạt	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2013	Khá			6.73	74.00	-	Ứng dụng	2201040
2	Nguyễn Đức Cường	07/02/1990	Khánh Hòa	Nam	ĐH Yersin Đà Lạt	ĐH Kinh tế - Tài chính Tp. HCM	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	2013	Khá			7.92	52.75	-	Ứng dụng	2201041
3	Nguyễn Anh Dũng	25/10/1979	Hà Nội	Nam	Khách sạn Ong Vàng Đà Lạt	ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2000	Trung bình			5.80	MT	-	Ứng dụng	2201042
4	Phạm Nguyễn Ngọc Duy	06/03/1996	Lâm Đồng	Nam	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2022	Trung bình			6.20	55.00	-	Ứng dụng	2201043
5	Nguyễn Phan Trung Hiếu	01/08/1995	Lâm Đồng	Nam	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2017	Khá			6.92	86.50	-	Ứng dụng	2201044
6	Nguyễn Hoàng Nhật Khanh	15/07/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2022	Giỏi			8.20	MT	-	Ứng dụng	2201045
7	Trần Minh Khôi	16/08/1984	Bình Định	Nam	Cục thuế tỉnh Lâm Đồng	Viện ĐH mở Hà Nội	Từ xa	Kế toán	2015	Khá		KV1	7.50	61.50	10.00	Ứng dụng	2201046
8	Bùi Đức Tin	01/12/1991	Lâm Đồng	Nam	Sacombank Lâm Hà, Lâm Đồng	ĐH Quốc tế, ĐH Quốc gia Tp. HCM	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2014	Trung bình khá			6.50	MT	-	Ứng dụng	2201047
9	Nguyễn Công Thăng	03/02/1989	Nam Định	Nam	Trung tâm kinh doanh VNPT Lâm Đồng	ĐH Đà Lạt	VLVH-bảng 2	Quản trị kinh doanh	2019	Trung bình			5.84	64.00	-	Ứng dụng	2201048
10	Đặng Văn Thắng	08/09/1987	Hà Nam	Nam	CNBC Viettel Lâm Đồng	Đại học Mở Hà Nội	Từ xa	Quản trị kinh doanh	2017	Trung bình khá			6.50	71.75	-	Ứng dụng	2201049
11	Vũ Quang Vĩnh	13/01/1980	Hải Dương	Nam	Tự do	ĐH Mở Tp. HCM	Từ xa	Quản trị kinh doanh	2011	Trung bình khá			6.17	53.75	-	Ứng dụng	2201050
12	Trần Văn Vỹ	02/01/1987	Lâm Đồng	Nam	Sacombank Lâm Đồng	ĐH Yersin Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2011	Trung bình			5.84	53.50	-	Ứng dụng	2201051

Ghi chú: MT: Miễn thi ; KV1: Khu vực 1

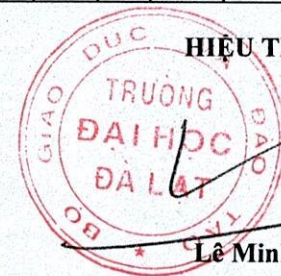


HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*
Lê Minh Chiến

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2022 (Đợt 1)
NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM (MÃ NGÀNH: 8220121)
(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-ĐHDL ngày 04 tháng 01 năm 2022)

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM			ĐỊNH HƯỚNG	MSHV
							TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC		XÉT TUẦN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
1	Vân Thị	Chiêm	09/10/1989	Bình Thuận	Nữ	THPT - THCS DTNT Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	ĐH Sư phạm TP. HCM	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2015	Khá			7.42	54.80	-	Ứng dụng	2201031
2	Phạm Thị	Doan	09/10/1984	Nam Định	Nữ	THPT Đa Kia - Bù Gia Mập	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Ngữ văn	2008	Khá		KV1	7.52	60.00	10.00	Ứng dụng	2201032
3	Ka Thị	Hương	17/04/1996	Lâm Đồng	Nữ	THPT TT Đạm Ri	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2019	Trung bình			6.93	60.25	-	Ứng dụng	2201033
4	Vũ Thị	Luận	08/03/1984	Thanh Hóa	Nữ	THCS & THPT Đăng Hà, Bù Đăng, Bình Phước	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2008	TB Khá		KV1	7.18	65.25	10.00	Ứng dụng	2201034
5	Cù Thị Kim	Ngân	11/02/1999	Bình Thuận	Nữ	THCS Hàm Thắng, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2021	Khá			7.32	MT	-	Ứng dụng	2201035
6	Trương Thị Thanh	Tâm	15/08/1978	Lâm Đồng	Nữ	Trường THCS N'Thol Hạ, Đức Trọng, Lâm Đồng	ĐH Đà Lạt	Chuyên tu	Ngữ văn	2007	Trung bình		KV1	7.42	68.00	10.00	Ứng dụng	2201036
7	Trần Thị Ngọc	Thắm	30/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	THCS & THPT Đa Nhim, Lạc Dương, Lâm Đồng	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2021	Giỏi			7.98	MT	-	Ứng dụng	2201037
8	Nguyễn Thị Thu	Thúy	28/6/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2022	Giỏi			8.34	MT	-	Ứng dụng	2201038
9	Nguyễn Thị Thúy	Vi	02/06/1996	Lâm Đồng	Nữ	UBND xã Hiệp An	ĐH Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2018	Trung bình		KV1	6.78	79.75	10.00	Ứng dụng	2201039

Ghi chú: MT: Miễn thi ; KV1: Khu vực 1

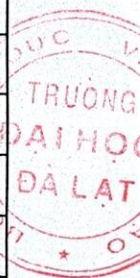


HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2022 (Đợt 1)
NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH (MÃ NGÀNH: 8220201)
(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-DHDL ngày 04 tháng 1 năm 2022)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM			ĐỊNH HƯỚNG	MSHV
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TÚC		XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
1	Nguyễn Thái An	15/12/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2022	Khá			7.54	89.50	-	Ứng dụng	2201052
2	Trịnh Phương Anh	04/05/1991	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2013	Khá			7.43	65.00	-	Ứng dụng	2201053
3	Nguyễn Thị Quỳnh	08/12/2000	Đồng Nai	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2022	Khá			7.50	66.00	-	Ứng dụng	2201054
4	Nguyễn Ngọc Mỹ Dung	18/11/1983	Lâm Đồng	Nữ	TT ngoại ngữ Đà Lạt Academy	Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Tiếng Anh	2013	Khá			7.50	88.50	-	Ứng dụng	2201055
5	Nguyễn Thị Dung	07/10/1986	Lâm Đồng	Nữ	THPT Hoàng Hoa Thám	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2009	Khá		KV1	8.29	95.50	10.00	Ứng dụng	2201056
6	Trần Thu Hà	09/06/1998	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2021	Khá			7.04	52.00	-	Ứng dụng	2201057
7	Nguyễn Quốc Vy Hân	06/07/1999	Lâm Đồng	Nữ	Đại học Đà Lạt	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	2022	Giỏi			8.39	MT	-	Ứng dụng	2201058
8	Trương Lâm Phước	31/01/1986	TP HCM	Nữ	Tiểu học Tri Thủy	Đại học Quy Nhơn	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	2012	Khá			7.46	61.00	-	Ứng dụng	2201059
9	Đặng Như Tú Hoài	16/10/1983	Lâm Đồng	Nữ	THPT Chu Văn An	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Anh văn	2006	Trung bình		KV1	6.39	94.50	10.00	Ứng dụng	2201060
10	Đặng Huỳnh Huyền	10/09/1990	Lâm Đồng	Nữ	Tiểu học Nguyễn Trãi	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2013	Khá		KV1	8.12	68.00	10.00	Ứng dụng	2201061
11	Nguyễn Diệu Phương	27/12/1982	Lâm Đồng	Nữ	Cao đẳng nghề Đà Lạt	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Anh văn	2004	Trung bình khá			6.23	89.50	-	Ứng dụng	2201062
12	Vũ Duy Luận	19/05/1997	Lâm Đồng	Nam	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	2019	Giỏi			7.93	81.50	-	Ứng dụng	2201063
13	Nguyễn Thị Thùy My	22/09/1994	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	2016	Khá			7.06	64.00	-	Ứng dụng	2201064
14	Krä Jân Đê Nét	11/09/1992	Lâm Đồng	Nữ	THCS-THPT Đạ Nhim	Đại học sư phạm TP HCM	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2015	Khá			7.00	98.50	-	Ứng dụng	2201065
15	Nguyễn Thị Tuyết	16/05/1998	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	2021	Khá			7.69	71.00	-	Ứng dụng	2201066
16	Nguyễn Duyên Nghiê	08/11/1989	TP HCM	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	2022	Xuất sắc			8.57	50.50	-	Ứng dụng	2201067
17	Nguyễn Lê Diệu Phúc	22/01/1998	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2021	Giỏi			8.02	96.00	-	Ứng dụng	2201068
18	Bùi Thị Mai Phương	20/02/2000	Ninh Bình	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2022				7.03	71.00	-	Ứng dụng	2201069



Handwritten signature or initials.

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM			ĐỊNH HƯỚNG	MSHV
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC		XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
19	Nguyễn Hoàng Phương	28/06/1992	Lâm Đồng	Nữ	Đại học Đà Lạt	Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Ngôn ngữ Anh	2022	Xuất sắc			8.66	MT	-	Ứng dụng	2201070
20	Vũ Thị Mai	13/10/1997	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	2019	Khá			6.98	65.00	-	Ứng dụng	2201071
21	Hoàng Kim	07/09/1997	Lâm Đồng	Nam	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2022	Khá			7.45	62.00	-	Ứng dụng	2201072
22	Liêng Hót Lê	07/11/1993	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2015	Giỏi			8.00	86.00	-	Ứng dụng	2201073
23	Đỗ Thị Thanh	26/04/1998	Lâm Đồng	Nữ	Đại học Đà Lạt	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	2020	Giỏi			8.16	68.00	-	Ứng dụng	2201074
24	Châu Nguyễn Lam	05/12/1988	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Anh văn	2016	Khá			7.74	84.00	-	Ứng dụng	2201075
25	Lê Khánh Vy	09/07/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2022	Khá			7.15	72.00	-	Ứng dụng	2201076
26	Nguyễn Thị Tường Vy	24/11/1980	Thanh Hóa	Nữ	THPT chuyên Thăng Long	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2002	Giỏi			7.82	96.50	-	Ứng dụng	2201077
27	Lô Xuân Tường Vy	14/03/1975	Lâm Đồng	Nữ	Đại học Yersin	Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Tiếng Anh	2013	Khá			7.94	60.00	-	Ứng dụng	2201078
28	Phan Yến Vy	13/09/2000	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	2022	Khá			7.74	77.00	-	Ứng dụng	2201079

Ghi chú: MT: Miễn thi ; KVI: Khu vực I


 HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*

 Lê Minh Chiến